

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHI XUÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HS-ST
Ngày: 10/7/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI XUÂN, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Quân và ông Lê Vỹ Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Quốc Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2020/TLST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/HSST-QĐ ngày 18/6/2020 đối với bị cáo:

Trần Văn H, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1966 tại tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Thôn Hải Đ, xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 2/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Th (Đã chết) và bà Trần Thị Th (Đã chết); có vợ: Hoàng Thị T – Sinh năm 1968 và 06 con; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 28/12/2000, bị cáo bị TAND huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện đang tại ngoại tại địa phương; “có mặt”.

- Bị hại: Ngô Cao T1 – Sinh năm 1956; Nghề nghiệp: Lao động tự do và Lê Thị H1 – Sinh năm 1958; Nghề nghiệp: Nội trợ. Đều cư trú: Thôn Lâm Th, xã Xuân Liên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. “có mặt”

- Những người làm chứng:

+ Nguyễn Đình C – Sinh năm 1949; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Nơi cư trú: Thôn Hải Đ, xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. “vắng mặt”

+ Hoàng Thị T2 – Sinh năm 1973; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Nơi cư trú: Thôn Vân Thanh B, xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. “vắng mặt”

+ Trần Anh D – Sinh năm 1994; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Nơi cư trú: Thôn Hải Đ, xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. “vắng mặt”

+ Hoàng Thị T – Sinh năm 1968; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Nơi cư

trú: Thôn Hải Đ, xã Cổ Đàm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. “vắng mặt”

+ Nguyễn Đức H3 – Sinh năm 1976; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Nơi cư trú: Thôn Lâm H, xã Xuân Liên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. “vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 04/02/2020, Trần Văn H cùng vợ là Hoàng Thị T, con trai là Trần Anh D, em vợ Hoàng Thị T2 và ông Nguyễn Đình C đến nhà ông Ngô Cao T1 để tháo dỡ ngôi nhà cũ mà ông T1 thuê Trần Văn H trước đó. Khi đến H cùng anh D và ông C trèo lên mái nhà dỡ ngói trước, còn bà Tịnh và bà Tùng cạy gạch nền nhà. Cạy xong bà T và bà T2 trèo lên mái nhà tháo dỡ ngói cùng với mọi người, sau đó 05 người cùng nhau cạy gỗ mè rồi tiến ra tháo dỡ mái lợp bằng Fiboro xi măng, nhưng vì có đinh vít bắn vào sắt không tháo bằng tay được nên anh D về nhà lấy máy tháo đinh. Lúc này bà T, bà T2 và ông C xuống uống nước ở phía trước nhà, còn H vẫn ở trên mái nhà để tháo gỗ hoành. Khi H đẩy một đường gỗ hoành xuống phía sau hồi nhà và nhìn theo xuống thấy có một cái hộp nhựa ở dưới nằm cạnh đường gỗ hoành này, H đi xuống lấy hộp nhựa đó mở ra xem thì thấy bên trong có cục tiền cuộn tròn lại và vàng nên H lấy hết số tiền và vàng cho vào túi bóng nhét gần đó rồi bỏ vào túi quần và quay lên tháo dỡ nhà bình thường. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày thì mọi người đều nghỉ ăn cơm trưa, sau đó H mượn xe máy của bà T2 nô máy thì ông C hỏi: “ông đi mô đó”, ông H trả lời: “ra đây coi vật phi lao tí”, ông C nói tiếp: “rửa thì cho mình đi với”, ông C lên xe ngồi sau ông H chở theo đường ven biển đi xã Cương Gián. Đi được một đoạn, H dừng xe lại ở vật phi lao để xem, xem được một lúc thì H bảo ông C: “ngồi chờ đây, mình xuống đây xem vật phi lao tí”, ông C ngồi chờ, còn H đi theo bờ biển xã Xuân Liên cất dấu tiền và vàng trộm được dưới một chiếc thuyền đã hỏng, sau đó quay lại chở ông C về nhà ông T1 tiếp tục dỡ nhà. Đến rạng sáng ngày 06/02/2020, do sợ bị phát hiện nên H đã đi xe máy đến xã Xuân Liên nơi đã cất dấu lấy tiền và vàng về trả cho ông T1 bao gồm: 38.000.000đ (ba mươi tám triệu đồng). Loại tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam có 76 (bảy mươi sáu) tờ tiền, mỗi tờ có mệnh giá 500.000 đồng. 07 tờ tiền mệnh giá 50 euro, 17 tờ tiền mệnh giá 100 USD, 01 sợi dây chuyền vàng và 01 nhẫn vàng hình tròn. Trả lại tài sản cho ông T1 xong, H đến cơ quan CSĐT công an huyện Nghi Xuân đầu thú và khai nhận đầy đủ về hành vi phạm tội của mình.

Tại kết luận giám định số 856/C09-P5 ngày 28/02/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ công an:

- 07 (bảy) tờ tiền có các mã số hiệu: WA4105277263, RB0405810833, WA6346473346, EB8785260468, WA2043892441, UA9028544097, RC2362703107 gửi giám định là tiền EURO mệnh giá 50EUR thật.

- 17 (mười bảy) tờ tiền có các mã số MB11662030J, MB61667275R, MB32141584E, MB11662031J, MB17396288F, ME25700727B,

MB61667273R, MF106602356F, MF10602357F, MF10602358F, MF10602359F, MF10602360F, MF10602361F, MF10602362F, MF10602363F, MF10602364F, MF10602365F gửi giám định là tiền Đô la Mỹ mệnh giá 100 USD thật.

Tại giấy nộp vào tài khoản tại kho bạc huyện Nghi Xuân ngày 11/02/2020, số tiền 38.000.000đ (ba mươi tám triệu đồng chẵn).

Tại kết luận giám định số 869/C09-P4 ngày 26/02/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an:

- 01 (một) sợi dây chuyền kim loại màu vàng gửi giám định có tổng khối lượng 11,25gam là vàng (Au); hàm lượng vàng trung bình: 99,23%.

- 01 (một) nhẫn tròn, trơn kim loại màu vàng, bên trong có khắc chữ, số “Kim Đoan 9999” gửi giám định có khối lượng 1,87gam là vàng (Au); hàm lượng vàng trung bình: 99, 30%.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 08/2020/HĐĐGTS ngày 19/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Nghi Xuân, kết luận:

- Giá trị của 07 (bảy) tờ tiền ngoại tệ có mệnh giá 50 Euro là: 9.055.550đ (Chín triệu không trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm năm mươi đồng).

- Giá trị của 17 (mười bảy) tờ tiền ngoại tệ mệnh giá 100USD là: 39.423.000đ (ba mươi chín triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn đồng).

- Giá trị 01 (một) sợi dây chuyền bằng vàng có các mắt xích hình trái tim liên kết với nhau chiều dài 46,7cm, khối lượng 11,25gam có hàm lượng vàng trung bình 99.23% là: 12.845.327đ (mười hai triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn, ba trăm hai mươi bảy đồng).

- Giá trị của 01 (một) chiếc nhẫn hình tròn bằng vàng có đường kính 1,7cm, mặt bên trong có khắc chữ “Kim Đoan 9999” khối lượng 1,87gam có hàm lượng vàng trung bình 99,3% là: 2.136.685đ (hai triệu một trăm ba mươi sáu nghìn, sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản mà Trần Văn H đã gây thiệt hại cho bị hại là: 101.461.000đ (một trăm linh một triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn đồng).

Vật chứng thu giữ gồm:

- 76 (bảy mươi sáu) tờ tiền, loại tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam, mỗi tờ có mệnh giá 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).

- 07 (bảy) tờ tiền ngoại tệ có mệnh giá 50 EURO có các số seri lần lượt là: WA4105277263, RB0405810833, WA6346473346, EB8785260468, WA2043892441, UA9028544097, RC2362703107.

- 17 (mười bảy) tờ tiền ngoại tệ có mệnh giá 100 USD, có các số seri lần lượt là: MB11662030J, MB61667275R, MB32141584E, MB11662031J, MB17396288F, ME25700727B, MB61667273R, MF106602356F, MF10602357F, MF10602358F, MF10602359F, MF10602360F, MF10602361F, MF10602362F, MF10602363F, MF10602364F, MF10602365F.

- 01 (một) sợi dây chuyền vàng bằng kim loại màu vàng có chiều dài 46,7cm, có các mắt xích hình trái tim liên kết với nhau, khối lượng 11,25gam.

- 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, mặt bên trong có chữ

“Kim Đoan 9999” hình tròn có đường kính 1,7cm khối lượng 1,87 gam.

Hiện số vật chứng trên đã trả lại cho chủ sở hữu là ông Ngô Cao T1.

Chiếc xe máy màu bạc nhãn hiệu Honda Wave BKS: 38N1-207.74 của bà Hoàng Thị T2 là phương tiện mà H sử dụng trong quá trình trộm cắp tài sản. Tuy nhiên bà T2 không biết việc H sử dụng xe trên để trộm cắp tài sản nên cơ quan CSĐT Công an huyện Nghi Xuân đã trả lại cho chủ sở hữu.

Bản cáo trạng số 14/CT-VKSNX ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh truy tố bị cáo Trần Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên trình bày lời luận tội, đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn H 34 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo đồng ý với luận tội của Kiểm sát viên, không có tranh luận và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Nhận định của Tòa án về việc vắng mặt của người làm chứng tại phiên tòa: Phiên tòa vắng mặt 05 người làm chứng, nhưng xét việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử nên không cần thiết phải hoãn phiên tòa phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Nhận định của Hội đồng xét xử về tội danh; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và các điều luật áp dụng đối với bị cáo:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trần Văn H đều khai nhận tội đúng như nội dung vụ án đã được nêu tóm tắt ở phần nội dung vụ án. Xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng; phù hợp với vật chứng cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Xét năng lực chịu trách nhiệm hình sự và hành vi lén lút, chiếm đoạt tài sản với tổng giá trị 101.461.000đ (một trăm linh một triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn đồng) của bị cáo Trần Văn H thì đã đầy đủ cơ sở để kết luận bị cáo Trần Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự, trị an và an toàn xã hội. Ngày 28/12/2000, bị cáo bị TAND huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”, vậy nên cần phải xử phạt nghiêm đối với bị cáo.

Tuy vậy, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần vì đã tự nguyện khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, ăn năn hối

cải; đầu thú và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn được quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, bị cáo lợi dụng sơ hở của bị hại để phạm tội nhưng sau đó chỉ đem đi cất giấu mà chưa gây thiệt hại gì và đã tự nguyện trả lại nguyên vẹn tài sản cho chủ sở hữu. Mặc dù bị cáo có một nhân thân về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng đã được xóa án từ lâu; trong vụ án này bị cáo phạm tội với thủ đoạn đơn giản, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ do đó không cần bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà áp dụng điều 65 BLHS cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp.

[3] Phân tích chấp nhận hay không chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, bị cáo:

Xét các nội dung đề xuất đối với Hội đồng xét xử của Kiểm sát viên, bị cáo tại phiên tòa là phù hợp do đó Hội đồng xét xử chấp nhận các đề nghị này.

[4] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[5] Về xử lý vật chứng: Các vật chứng đều đã trả lại cho chủ sở hữu.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại tài sản bị mất, bị hại ông Ngô Cao T1 và bà Lê Thị H không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải nộp án phí; Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Điều 135, khoản 2 Điều 136, khoản 1 điều 293, khoản 1 điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, khoản 1 điều 21, điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, Nghị quyết Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên bố bị cáo Trần Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[2] Xử phạt bị cáo Trần Văn H 3 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Văn H cho UBND xã Cổ Đàm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Nếu trong thời gian thử thách bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[3] Buộc bị cáo Trần Văn H phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Nghi Xuân;
- CQCSĐT CA huyện Nghi Xuân;
- CQTHAHS CA huyện Nghi Xuân
- UBND xã Cổ Đạm;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Hà Ngân